

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:05...../SSAMM/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty TNHH SSAMM**
2. Địa chỉ: Lô A2-4, KCN Chơn Thành 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước
3. Điện thoại: 0918188897 Fax:
4. Email: ssamm.tranmo@gmail.com
5. Mã số doanh nghiệp (MST): 3801171926
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:
Ngày Cấp/Nơi cấp: (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp
Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Khay nhựa màu trắng đục (White color tray)**
2. Thành phần chính: Nhựa polypropylen và polyetylen
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: 480 cái/Thùng; 650 cái/Thùng; 750 cái/Thùng; 1260 cái/Thùng
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Force Tech Co., Ltd.....

136-45, Mangangsang - Ro., Biju - Si., Gyeonggi., Korea.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty kinh doanh sản phẩm *Khay nhựa màu trắng đục (White color tray)* đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- **21 CFR 178.3297** - Quy định của FDA (US) - Các chất màu dùng cho polymer

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Phước..., ngày 1. tháng 07 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: /SSAMM/2019

PHỤ LỤC

1. Mô tả sản phẩm: Khay nhựa màu trắng đục (White color tray) (Hình đại diện)



2. Bao bì và nhãn sản phẩm:

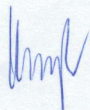
171928
CÔNG
T.N
SS
CHON

KT3-03207AHD9/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/06/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : KHAY NHỰA MÀU TRẮNG ĐỤC (WHITE COLOR TRAY)
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
1415/N3.19/ĐG/PT
07 khay nhựa màu trắng
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 19/06/2019
5. Thời gian thử nghiệm : 20/06/2019 – 27/06/2019
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH SSAMM**
Lô A2-4, KCN Chơn Thành 1, Xã Thành Tâm, Huyện Chơn Thành,
Bình Phước
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**Nguyễn Thị Thùy Nhi****TL GIÁM ĐỐC**
TRUNG TÂM PHÒNG THỬ NGHIỆM**Phạm Thành Trung**

C.T.T.N.
TY
H.H
AMM
HÀNH T.

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại THỬ VẬT LIỆU	-	ASTM E 1252 – 98	-	Polypropylene + Polyethylene
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.6 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	< 10,0 (*)
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	KPH
7.7 Khả năng thôi màu		ISO 175 : 2010		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	-		-	KTM
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	-		-	KTM
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	-		-	KTM
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	-		-	KTM

Ghi chú: KPH: không phát hiện; KTM: không thôi màu
(*) Giới hạn định lượng



Số: 1415-1/N3.19/ĐG

Ngày: 28/6/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Người yêu cầu : Công ty TNHH SSAMM
2. Tên mẫu theo khai báo : Khay nhựa màu trắng đục (White color tray)
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu: 19/6/2019
5. Căn cứ giám định :
5.1) QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
5.2) 21CFR 178.3297 - Quy định của FDA (US) - Các chất màu dùng cho polymer.

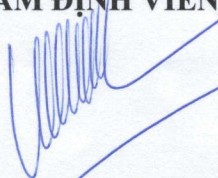
6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa	Polypropylen và polyethylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.1
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g		100
	• Chì (Pb)	< 5	
	• Cadimi (Cd)	< 5	
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL		30
	• Trong nước cất, 60°C, 30 phút	< 5	
	• Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	< 5	
	• Trong etanol 20%, 60°C, 30 phút	< 5	
	• Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 10	
6.5	Khả năng thôi màu từ mẫu trong các chất chiết nêu tại mục 6.4	Không thôi màu	Không thôi màu
6.6	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.7	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	10

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với *Khay nhựa* dùng để chứa các loại thực phẩm.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Đặng Thị Bùi Oanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Sùng